|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 271/TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 01 tháng 12 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững**

**trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020**

**Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ & Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNNPTNT ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND, ngày 04/7/2013 của HĐND tỉnh Kon Tum về thông qua Quy hoạch Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

Thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU, ngày 07/10/2016, của Ban thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Kon Tum năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016-2021;

 Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy – Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ Huyện khóa XVI về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Chương trình số 26-CTr/HU, ngày 28/11/2016 của Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020;

UBND huyện xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Sa Thầy, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành kế hoạch**

Sa Thầy là huyện có diện tích rừng tương đối lớn chiếm 61,94% *(88.776,6 ha)* tổng diện tích tự nhiên. Trong những năm qua, công tác quản lý bảo vệ rừng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tình trạng vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng năm sau giảm đáng kể so với năm trước, giữ được diện tích rừng tự nhiên, tăng độ che phủ của rừng, góp phần điều tiết khí hậu, cải thiện môi trường. Tăng cường khả năng phòng hộ đầu nguồn cho các công trình thủy điện YaLy, PleiKrông… và một số thủy lợi nhỏ. Đảm bảo nước tưới cho các đập thuỷ lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhân dân.

Tuy nhiên, thời gian qua công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn huyện đang gặp phải những khó khăn, thách thức lớn mang tính chủ quan và khách quan, đã làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng nghiêm trọng. Do đó, rừng đã không còn giữ được vai trò phát triển kinh tế, điều tiết nước, điều hòa khí hậu và bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc phát triển lâm nghiệp một cách bền vững nhằm khôi phục lại rừng, nâng cao độ che phủ của rừng và nâng cao vai trò của rừng là việc làm cấp thiết.

**II. Mục đích, quan điểm xây dựng kế hoạch**

**1. Mục đích**

Góp phần thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy; Quy hoạch tổng thể phát triển lâm nghiệp bền vững của tỉnh Kon Tum; Bảo vệ hiệu quả diện tích rừng hiện có, phát triển rừng, nâng cao độ che phủ của rừng; đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, điều hòa nguồn nước, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

**2. Quan điểm xây dựng kế hoạch**

- Xây dựng kế hoạch phát lâm nghiệp theo hướng bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của huyện đến năm 2020 và các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt.

- Phát triển kinh tế rừng thành ngành kinh tế trọng điểm, đa mục tiêu theo hướng xã hội hóa, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích môi trường, kinh tế, xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, nâng cao chất lượng rừng, làm giàu rừng; khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, đảm bảo đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản của huyện, gắn bảo vệ và phát triển rừng với an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường và phát triển du lịch sinh thái.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với việc xoá đói, giảm nghèo, bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống của các dân tộc.

**III. Quá trình xây dựng kế hoạch**

Ngày 24/10/2017, UBND huyện có Công văn số 1506/UBND-TH giao nhiệm vụ cho NN&PTNT chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, Phòng NN&PTNT xây dựng dự thảo Kế hoạch, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và gửi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan tại Công văn số 1550/UBND-TH ngày 03/11/2017.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, phòng NN&PTNT đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gửi Phòng Tư pháp thẩm định, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 134 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 15/11/2017, Phòng Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 57/BC-PTP và Phòng NN&PTNT đã tiếp thu và chỉnh lý một số nội dung theo đề nghị của Phòng Tư pháp và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tham mưu UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện, gồm:

- Tờ trình Ủy ban nhân dân về việc thông qua Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Dự thảo nghị quyết;

- Các văn bản góp ý của cơ quan, đơn vị;

- Báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp.

**VI. Bố cục và nội dung cơ bản của kế hoạch**

**1. Bố cục: gồm 02 phần chính**

**- Phần thứ I:** Đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn huyện trong thời gian qua, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

**- Phần thứ II:** Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020, gồm: Mục tiêu; nhiệm vụ và giải pháp; Kinh phí thực hiện và Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung của kế hoạch**

***2.1. Mục tiêu***

*a. Mục tiêu chung*

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý của từng loại rừng; nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; nâng độ che phủ 63% góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, điều hòa nguồn nước, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; góp phần ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

*b. Mục tiêu cụ thể*

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 88.776,6 ha diện tích rừng hiện có (*rừng đặc dụng 41.139,0 ha, rừng phòng hộ 11.945,0 ha, rừng sản xuất 34.285,5 ha, rừng ngoài quy hoạch 1.407,2 ha*), nâng độ che phủ rừng lên 63% vào năm 2020.

- Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng 3.454 ha (*giao mới 454 ha*); trồng mới khoảng 1.000 ha rừng; trồng 10.000 cây phân tán và 50 ha cây dược liệu dưới tán rừng; Nuôi dưỡng làm giàu rừng 86 ha.

- Khai thác rừng trồng 12.000 m3; Khai thác lâm sản ngoài gỗ từ rừng tự nhiên (*tre, nứa, lồ ô*) 80.000 cây.

- Xây dựng từ 01 - 02 làng nghề sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ lâm sản ngoài gỗ (*tre, nứa, lồ ô, bông đót,...*) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng hiệu quả bền vững lâm sản ngoài gỗ và bảo vệ môi trường sinh thái.

***2.2. Nhiệm vụ và giải pháp***

*a. Tuyên truyền, vận động thực hiện chủ chương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững*

Đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là đối với các địa phương có rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

*b. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng*

- Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý bảo vệ. Trong đó chú trọng rà soát diện tích rừng do UBND các xã, thị trấn đang quản lý, nhất là các xã có diện tích rừng manh mún, nguy cơ xâm hại cao.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm - Công an - Biên phòng và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng.

- Xây dựng phương án sử dụng hiệu quả diện tích đất nương rẫy bỏ hoang để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, giá trị trên đơn vị diện tích nhằm giảm áp lực vào rừng, hạn chế tình trạng phát, đốt rừng làm nương rẫy trái pháp luật.

- Thành lập Tổ quản lý bảo vệ rừng liên ngành các cấp. Tăng cường công tác nắm thông tin, kiểm tra, xác minh và xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến lâm sản, kiên quyết đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép đối với các cơ sở vi phạm theo quy định.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai, xử lý nghiêm các trường hợp sang nhượng đất đai trái phép.

*c. Đầu tư phát triển rừng*

- Thực hiện tốt, hiệu quả các chương trình, dự án trồng rừng, Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi và phục hồi, cải tạo rừng, ưu tiên đối với rừng sản xuất, trên các diện tích đất đồi núi trọc. Phát triển mạnh việc trồng cây phân tán, nhất là các loài cây gỗ lớn quý, hiếm và một số cây dược liệu dưới tán rừng.

- Áp dụng các mô hình, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất lâm nghiệp như: công nghệ sinh học, công nghệ chế biến lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng thâm canh...

 - Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh, liên kết tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất; trồng rừng, chăm sóc rừng theo hướng bền vững và thâm canh.

*d. Sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng*

- Xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng, sản xuất, chế biến các sản phẩm từ rừng và cây dược liệu dưới tán rừng, kết hợp phát triển hoạt động du lịch sinh thái, văn hóa theo hướng gắn công tác quản lý, bảo vệ rừng với kinh doanh các sản phẩm dưới tán rừng...

- Xây dựng từ 01 - 02 làng nghề sản xuất một số sản phẩm lâm sản ngoài gỗ tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các loại lâm sản ngoài gỗ nhằm giải quyết công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo cho bà con đồng bào dân tộc thiểu số sống ven rừng, gần rừng.

*e. Huy động các nguồn lực để triển khai nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp bền vững*

Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và lồng ghép các nguồn vốn, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên cùng địa bàn để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy tối đa hiệu quả nguồn tiền chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Nghị định 75/2015/NĐ-CP. Tạo điều kiện và cải thiện môi trường đầu tư đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động lâm nghiệp; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (*vốn ODA, ADB và vay ưu đãi và hỗ trợ quốc tế…*) và các chương trình, dự án trong việc bảo vệ và phát triển rừng.

### *f. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quản lý, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp*

Áp dụng tối đa chính sách ưu đãi, hỗ trợ quản lý, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp của Trung ương, của tỉnh:Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh.

***2.3. Kinh phí thực hiện***

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch: 94.118 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương, tỉnh: 55.738,8 triệu đồng

+ Ngân sách huyện 1.500 triệu đồng

+ Kinh phí ngoài ngân sách (*Vốn vay, DVMTR, huy động từ các tổ chức, cá nhân,...*): 36.879,2 triệu đồng

(*Có biểu kèm theo*)

- Nguồn kinh phí: Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, kinh phí theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP cho các chủ rừng *(Ban quản lý VQG Chưmomray, Công ty Lâm nghiệp Sa Thầy, UBND các xã, thị trấn và các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)*: 36.890 triệu đồng; ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ cho các chủ rừng thực hiện nhiệm vụ QLBVR & PCCCR là: 34.118 triệu đồng. Để lồng ghép hỗ trợ nhân dân phát triển cây lâm nghiệp, trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc huyện đề xuất nguồn kinh phí từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững *(Quyết định 293, Chương trình 135, Quyết định 102)* là 5.500 triệu đồng *(các nguồn kinh phí này hằng năm phân bổ cho huyện khoảng 08 tỷ đồng)*. Ngân sách huyện đảm nhận khoảng 1.500 triệu đồng *(mỗi năm bình quân 500 triệu đồng)* từ nguồn sự nghiệp khuyến nông, khuyến lâm hỗ trợ cho phát triển lâm nghiệp. Ngoài ra, còn có nguồn vốn của các chủ rừng, doanh nghiệp là 16.110 triệu đồng.

*(Có kế hoạch và dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

**Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 5, HĐND huyện khóa X, nhiệm kỳ 2016-2021 để UBND huyện triển khai thực hiện./.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT HĐND huyện;- Các đại biểu HĐND huyện;- Lưu VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Nguyễn Hữu Thạnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững**

 **trên đại bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Bảo vệ & Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNNPTNT ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND, ngày 04/7/2013 của HĐND tỉnh Kon Tum về thông qua Quy hoạch Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

Thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU, ngày 07/10/2016, của Ban thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Kon Tum năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016- 2021;

 Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy – Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ Huyện khóa XVI về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Chương trình số 26-CTr/HU, ngày 28/11/2016 của Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020;

UBND huyện xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020, như sau:

**I. Tình hình thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn huyện trong thời gian qua**

**1. Kết quả đạt được** (*Có Biểu 01 kèm theo*)

***1.1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng***

Huyện Sa Thầy có diện tích tự nhiên 143.172,85 ha, trong đó diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp là 112.250,1 ha, gồm: đất rừng đặc dụng 43.250,2 ha, đất rừng phòng hộ 15.818,3 ha, đất rừng sản xuất 53.181,6 ha. Diện tích đất có rừng 88.776,6 ha, độ che phủ của rừng 61,9%. Rừng trên địa bàn huyện rất phong phú, với nhiều loài động, thực vật quý, hiếm. Do đó, rừng trên địa bàn luôn là mục tiêu để các đối tượng xấu nhòm ngó, xâm hại.

Trong thời gian qua, để quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp: Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ công tác đặc biệt cấp huyện, xã thực hiện công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng và ban hành các Phương án, Chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng. Trong giai đoạn 2011-2016, đã chỉ đạo các lực lượng chức năng, UBND các xã, thị trấn phối hợp với chủ rừng tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại các thôn, làng về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác QLBVR, PCCCR & PTR được 381 cuộc với 39.732 lượt người tham gia; Tuyên truyền trên hệ thống đài phát thanh 10 ngày/lần; bằng xe lưu động được 10 lần/05 xã và tổ chức ký cam kết với các hộ dân sống gần rừng không phát rừng làm nương rẫy trái pháp luật được 300 bản. Củng cố, kiện toàn và thành lập mới 13 Tổ, Đoàn công tác liên ngành; tổ chức 239 cuộc tuần tra, truy quét liên ngành cấp huyện với 1.535 lượt người tham gia. Ngoài ra, còn thường xuyên ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các chủ rừng và UBND các xã, thị trấn tăng cường tuần tra, truy quét; triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng trên địa bàn, lâm phần được giao quản lý. Thực hiện giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng để đảm bảo diện tích rừng trên địa bàn thực sự có chủ quản lý([[1]](#footnote-2)). Đồng thời chỉ đạo các lực lượng chức năng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích được giao khoán, bảo vệ trong các giai đoạn trước([[2]](#footnote-3)).

Qua triển khai quyết liệt các biện pháp, trong giai đoạn 2011 -2016 đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý 612 vụ vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng([[3]](#footnote-4)). Tổng số vụ đã xử lý 612 vụ([[4]](#footnote-5)). Công tác quản lý bảo vệ rừng ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực, diện tích rừng được quản lý, bảo vệ có hiệu quả; các điểm nóng được xử lý, khống chế, không để phát sinh thêm điểm nóng mới; số vụ vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng năm sau giảm đáng kể so với năm trước, cụ thể: năm 2015 giảm 99 vụ *(giảm 54,4%)* so với năm 2014; năm 2016 giảm 14 vụ (*giảm 16,86%)* so với năm 2015.

***1.2. Phát triển rừng***

- Triển khai trồng rừng sản xuất theo Quyết định số147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ được 279,5 ha rừng tập trung với 218 hộ tham gia.

- Giai đoạn 2011-2016, trên địa bàn huyện không có trồng mới rừng nguyên liệu giấy mà chỉ có tập trung vào chăm sóc, quản lý và bảo vệ 2.248 ha rừng nguyên liệu giấy đã trồng trong các năm trước.

- Tổ chức khoanh nuôi phục hồi tái sinh 1.000 ha rừng đặc dụng. Diện tích rừng phục hồi do khoanh nuôi tăng 20 ha (*xã Sa Sơn*).

- Tổ chức trồng được 14.090 cây phân tán trong giai đoạn 2011-2016, loài cây trồng là: trắc, sưa, sao, bằng lăng, long não, xà cừ, dầu, bàng đài loan…. Các loại cây được giao cho các đơn vị trường học, quân sự, đoàn thanh niên, các cơ quan, đơn vị… trồng, chăm sóc. Do đó, cây sinh trưởng, phát triển tương đối tốt.

***1.3. Khai thác, chế biến lâm sản***

- Về khai thác lâm sản: Trên địa bàn huyện không có các hoạt động khai thác chính từ rừng tự nhiên, chỉ có khai thác tận dụng gỗ từ việc chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng cao su, giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình đường giao thông. Trong giai đoạn 2011-2015, các lực lượng chức năng đã kiểm tra, nghiệm thu, đóng búa 32.859,727 m3 gỗ lớn; 1.515,5 m3 cành nhánh nhỏ và 99.550 Ster củi. Năm 2016, khai thác rừng trồng 53.811 m3; khai thác tre nứa 29.000 cây.

- Về chế biến gỗ, lâm sản: Trên địa bàn huyện chủ yếu là các cơ sở mộc dân dụng hộ gia đình, quy mô nhỏ, đóng đồ dùng gia đình phục vụ nhu cầu người dân tại địa phương, không có xuất khẩu. Các cơ quan chuyên môn đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, xử lý việc tiêu thụ, chế biến lâm sản không có nguồn gốc hợp pháp; kiểm soát chặt chẽ việc xác nhận nguồn gốc lâm sản lưu thông theo đúng quy định tại Thông tư 01/TT-BNN; kiên quyết xử lý theo quy định đối với các cơ sở vi phạm([[5]](#footnote-6)).

**2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

***2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn***

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn huyện còn có những tồn tại, hạn chế và đối mặt phải không ít những khó khăn, thách thức:

- Việc phát triển rừng trên địa bàn huyện còn hạn chế, diện tích rừng trồng trong những năm qua có tăng, tuy nhiên chưa đáng kể, diện tích rừng tăng do khoanh nuôi phục hồi tái sinh chưa nhiều.

*-­* Diện tích rừng giao theo các chương trình, dự án, nhất là giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình quản lý bảo vệ theo Quyết định 304,178 của Chính phủ, rừng bị mất, bị phá, lấn chiếm nghiêm trọng.

- Tình trạng vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng trên địa bàn huyện trong thời gian qua có lúc, có nơi vẫn còn xảy ra và diễn biến phức tạp, chưa được ngăn chặn, xử lý triệt để, đặc biệt tại địa bàn các xã: Ya Tăng, Mô Rai, Rờ Kơi, Sa Sơn, trên lâm phần của Vườn quốc gia Chưmomray, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy quản lý.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng được chú trọng song nhận thức của người dân về pháp luật trong công tác quản lý bảo vệ rừng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Tài nguyên rừng chưa được khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả, nhất là việc khai thác, sử dụng đất lâm nghiệp, các lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường sinh thái. Tác động của ngành lâm nghiệp đối với xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế, đa số người dân, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số chưa thể sống dựa vào rừng.

- Công tác quy hoạch 03 loại rừng còn nhiều bất cập chưa phù hợp với tình hình thực tế. Một số diện tích đất rừng thuận lợi cho việc quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội lại quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, gần khu dân cư. Trong khi đó diện tích rừng sản xuất lại nằm trên các đồi núi cao. Thực trạng này gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng của địa phương.

- Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh nghề rừng còn ít, vốn đầu tư cho công tác bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu câu phát triển lâm nghiệp hiện nay.

***2.2. Nguyên nhân***

*a. Nguyên nhân khách quan*

- Chu kỳ sản xuất của cây lâm nghiệp dài, lợi nhuận thấp, nhiều rủi ro, thị trường đầu ra của sản phẩm gỗ rừng trồng chưa thuận lợi, tính cạnh tranh của cây lâm nghiệp thấp hơn nhiều so với cây trồng khác nên chưa thu hút được nguồn lực trong xã hội tham gia trồng rừng và phát triển rừng.

- Các chính sách hưởng lợi từ rừng khi giao đất, giao rừng theo Quyết định 304, 178 chưa cụ thể rõ ràng, người dân được hưởng lợi từ rừng rất thấp; người dân không có điều kiện, nguồn lực để tổ chức các biện pháp quản lý bảo vệ rừng.

- Diện tích rừng trên địa bàn huyện rộng lớn, địa hình chia cắt, đồi núi hiểm trở, đi lại rất khó khăn, gây khó khăn cho công tác tuần tra, kiểm tra rừng, phát hiện, xử lý các vụ vi phạm.

- Nhu cầu sử dụng lâm sản của xã hội ngày càng tăng, giá trị các sản phẩm gỗ tăng cao, nhất là gỗ rừng tự nhiên, gỗ quý, trong khi đó gỗ rừng trồng và các vật liệu thay thế khác chưa đáp ứng được. Bên cạnh đó, việc khai thác lâm sản có lợi nhuận rất lớn nên một số đối tượng bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm.

- Nguồn ngân sách huyện còn gặp nhiều khó khăn chưa đảm bảo cân đối, đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

*b. Nguyên nhân chủ quan*

- Với trên 58% là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, mặt bằng dân trí còn thấp, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, hiểu biết pháp luật chưa đầy đủ. Phần lớn các đối tượng vi phạm về hành vi phá rừng trái pháp luật để làm nương rẫy là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, kinh tế khó khăn nên không có khả năng chấp hành Quyết định xử phạt. Do đó, chưa nâng cao được tính giáo dục, răn đe của pháp luật.

- Lực lượng, năng lực của đội ngũ cán bộ công chức ngành lâm nghiệp và cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Công tác phối kết hợp của chủ rừng với chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng đôi lúc chưa được thường xuyên.

- Hệ thống cơ chế chính sách lâm nghiệp còn bất cập, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với chủ trương xã hội hóa nghề rừng và cơ chế thị trường, chưa bổ sung kịp thời những cơ chế chính sách mới đầu tư cho phát triển rừng sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ để tạo động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế nhất là hộ gia đình, cộng đồng và tư nhân tham gia phát triển nghề rừng.

**II. Kế hoạch phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020**

**1. Mục tiêu**

***1.1. Mục tiêu chung***

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý của từng loại rừng; nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; nâng độ che phủ lên 63% *(chưa bao gồm cây đa mục tiêu),* đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, điều hòa nguồn nước, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học; góp phần ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

***1.2. Mục tiêu cụ thể***

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 88.776,6 ha diện tích rừng hiện có (*rừng đặc dụng 41.139,0 ha, rừng phòng hộ 11.945,0 ha, rừng sản xuất 34.285,5 ha, rừng ngoài quy hoạch 1.407,2 ha*), nâng độ che phủ rừng lên 63% *(chưa bao gồm cây đa mục tiêu)* vào năm 2020.

- Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng 3.454 ha (*giao mới 454 ha*); trồng mới 1.600 ha rừng trở lên, trồng 10.000 cây phân tán và 50 ha cây dược liệu dưới tán rừng; nuôi dưỡng làm giàu rừng 86 ha.

- Khai thác rừng trồng 12.000 m3; khai thác lâm sản ngoài gỗ từ rừng tự nhiên (*tre, nứa, lồ ô*) 80.000 cây.

- Xây dựng từ 01 - 02 làng nghề sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ lâm sản ngoài gỗ (*tre, nứa, lồ ô, bông đót,...*) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng hiệu quả bền vững lâm sản ngoài gỗ và bảo vệ môi trường sinh thái.

(*Có Biểu 02 kèm theo*)

**2. Nhiệm vụ và giải pháp**

***2.1. Tuyên truyền, vận động thực hiện chủ chương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững***

 Đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là đối với các địa phương có rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

***2.2. Tăng công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng***

-Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý bảo vệ. Trong đó chú trọng rà soát diện tích rừng do UBND các xã, thị trấn đang quản lý, nhất là các xã có diện tích rừng manh mún, nguy cơ xâm hại cao, tổ chức giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, làng.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm - Công an - Biên phòng và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng. Thường xuyên tổ chức các đợt diễn tập phối hợp giữa các lực lượng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng các cấp.

- Xây dựng phương án sử dụng hiệu quả diện tích đất nương rẫy bỏ hoang để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, giá trị trên đơn vị diện tích nhằm giảm áp lực vào rừng, hạn chế tình trạng phát, đốt rừng làm nương rẫy trái pháp luật.

- Thành lập Tổ quản lý bảo vệ rừng liên ngành các cấp. Tăng cường công tác nắm thông tin, kiểm tra, xác minh và xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Khuyến khích việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã để huy động nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Thường xuyên kiểm tra trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của chính quyền cấp xã và chủ rừng. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến lâm sản, kiên quyết đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép đối với các cơ sở vi phạm theo qui định. Rà soát, xử lý dứt điểm các loại phương tiện dùng để khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai, hạn chế tình trạng sang nhượng đất đai (*đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số*) nhằm hạn chế tình trạng thiếu đất trong nhân dân. Đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp sang nhượng đất đai trái phép.

 ***2.3. Đầu tư phát triển rừng***

- Thực hiện tốt, hiệu quả các chương trình, dự án trồng rừng, Nghị định 75/2015/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020. Đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi và phục hồi, cải tạo rừng, ưu tiên đối với rừng sản xuất, trên các diện tích đất đồi núi trọc. Phát triển mạnh việc trồng cây phân tán, nhất là các loài cây gỗ lớn quý, hiếm (*trắc, huỳnh đàn đỏ, cẩm lai, sao,...*) và một số cây dược liệu dưới tán rừng (*Sa Nhân tím, ba kích, sâm cau,...*).

- Áp dụng các mô hình, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất lâm nghiệp như: công nghệ sinh học, công nghệ chế biến lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng thâm canh...Thực hiện tốt khâu chọn giống, xác định cơ cấu các loại cây rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh, liên kết tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất; trồng rừng, chăm sóc rừng theo hướng bền vững và thâm canh.

***2.4. Sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng***

- Xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng, sản xuất, chế biến các sản phẩm từ rừng và cây dược liệu dưới tán rừng, kết hợp phát triển hoạt động du lịch sinh thái, văn hóa theo hướng gắn công tác quản lý, bảo vệ rừng với kinh doanh các sản phẩm dưới tán rừng... để tạo việc làm, phát triển nghề rừng, nâng cao thu nhập của người dân sống gần rừng. Thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hướng ưu tiên khoán bảo vệ rừng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- Xây dựng, hình thành 01 - 02 làng nghề sản xuất một số sản phẩm có nguồn gốc từ tre, nứa, lồ ô tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các loại lâm sản ngoài gỗ nhằm giải quyết công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo cho bà con đồng bào dân tộc thiểu số sống ven rừng, gần rừng, qua đó hạn chế các tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng.

***2.5. Huy động các nguồn lực để triển khai nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp bền vững***

Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và lồng ghép các nguồn vốn, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy tối đa hiệu quả nguồn tiền chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Nghị định 75/2015/NĐ-CP. Tạo điều kiện và cải thiện môi trường đầu tư đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động lâm nghiệp; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (*vốn ODA, ADB và vay ưu đãi và hỗ trợ quốc tế…*), và các chương trình, dự án trong việc bảo vệ và phát triển rừng.

### *2.6. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quản lý, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp*

Áp dụng tối đa chính sách ưu đãi, hỗ trợ quản lý, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp của Trung ương, của tỉnh:Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh.

**3. Kinh phí thực hiện**

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch: 94.118 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương, tỉnh: 55.738,8 triệu đồng (*bao gồm nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 75, Quyết định 293, Quyết định 102…*).

+ Kinh phí ngoài ngân sách (*Vốn vay, dịch vụ môi trường rừng, huy động từ các tổ chức, cá nhân,...*): 36.879,2 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện bình quân mỗi năm bố trí 500 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế (*khuyến nông, khuyến lâm*) để triển khai thực hiện.

(*Có Biểu 3 kèm theo*)

 **4. Tổ chức thực hiện**

***4.1. Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn***

**-** Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện tốt các nội dung của kế hoạch.

- Phối hợp với Hạt Kiểm lâm, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các chính sách về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

- Tham mưu xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nghiên cứu chọn giống, xác định cơ cấu loài cây trồng rừng phù hợp với điều kiện lập địa của huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch này theo quy định.

***4.2. Hạt Kiểm lâm huyện***

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân và nhân dân về quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hướng dẫn các chủ rừng xây dựng phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; phát hiện, tham mưu cấp thẩm quyền xử lý kịp thời theo quy định các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng.

- Chủ trì, phối hợp với Công an huyện, UBND các xã, thị trấn và các chủ rừng thường xuyên tổ chức lực lượng tuần tra, truy quét, nhất là các khu vực trọng điểm về xâm canh, phá rừng trái phép để làm nương rẫy, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật (*khu vực xã Ya Tăng giáp ranh với huyện ChưPăh, tỉnh Gia Lai; khu vực Ya Mô, Đập nước Làng Le xã Mô Rai;* *địa bàn xã Sa Sơn; tiểu khu 572 xã Rờ Kơi; lâm phần Vườn quốc gia Chưmomray, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy*) nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu thành lập các Tổ, Đoàn công tác liên ngành tuần tra, truy quét, xử lý dứt điểm các điểm nóng vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng trên địa bàn huyện.

- Tham mưu kiểm tra, giám sát trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn và các đơn vị chủ rừng nhằm chấn chỉnh và đôn đốc kịp thời công tác quản lý bảo vệ rừng & PCCCR.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, phòng Tài chính – Kế hoạch, phòng Tài nguyên & Môi trường và UBND các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản và các cơ sở mộc dân dụng trên địa bàn huyện; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm theo quy định.

- Đôn đốc, hướng dẫn hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ diện tích rừng được giao, nghiệm thu và chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn theo quy định.

***4.3. Các đơn vị chủ rừng***

- Căn cứ kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đối với diện tích rừng được giao quản lý.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có, khai thác sử dụng rừng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả nguồn tài nguyên được giao quản lý.

- Triển khai xây dựng và thực hiện phương án quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng, quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng sản xuất.

- Chủ động cân đối, bố trí sử dụng nguồn kinh phí được giao, được cấp hằng năm sửa chữa, nâng cấp và mua sắm thêm các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

***4.4. Phòng Tài nguyên & Môi trường***

- Chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý đất rừng theo quy hoạch 03 loại rừng; kiểm tra, rà soát việc giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; theo dõi biến động về đất lâm nghiệp.

- Tham mưu tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn, xử lý kịp thời các vụ vi phạm về Luật đất đai và chấm dứt tình trạng mua, bán, lấn chiếm đất lâm nghiệp hoặc “hợp thức hóa” quyền sử dụng đất do phá rừng trái pháp luật.

 - Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT, Hạt Kiểm lâm và UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát diện tích đất canh tác và nhu cầu thực tế về đất sản xuất của nhân dân; tham mưu xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả diện tích đất nương rẫy bỏ hoang, sản xuất kém hiệu quả theo hướng bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với quy hoạch ba loại rừng và quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

***4.5. Công an huyện***

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan trong công tác tuần tra, truy quét, xử lý các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng trên địa bàn huyện.

- Tổ chức điều tra, đưa ra truy tố, xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng.

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra xử lý nghiêm các phương tiện không đảm bảo điều kiện tham gia giao thông và các xe độ chế trên địa bàn huyện.

- Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra các tình huống cấp bách trong bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

***4.6.******Cơ quan Quân sự huyện***

- Phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, Công an huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, nhiệm vụ quốc phòng và trong công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015, Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ.

- Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia ứng cứu, chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra.

***4.7. Phòng Tài chính - Kế hoạch***

Tham mưu UBND huyện cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung của kế hoạch.

***4.8. UBND các xã, thị trấn***

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn.

- Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, công chức và nhân dân. Vận động nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng; kịp thời phát hiện, báo cáo với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các hành vi vi phạm tronh lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng.

- Vận động nhân dân canh tác theo mô hình nông lâm kết hợp, trồng cây phân tán, trồng rừng trên diện tích đất bạc màu nhằm từng bước nâng cao đời sống.

- Triển khai thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng (*Kiểm lâm địa bàn, Dân quân, Công an xã*) trong công tác quản lý bảo vệ rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ. Thường xuyên tổ chức lực lượng tuần tra, truy quét, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với Công an huyện tăng cường tuần tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện không đảm bảo điều kiện tham gia giao thông và các xe độ chế trên địa bàn.

- Xây dựng phương án giao đất, giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn đối với diện tích rừng do UBND các xã, thị trấn đang trực tiếp quản lý.

- Tổ chức hoạt động có hiệu quả các tổ, đội, quần chúng bảo vệ rừng ở các thôn, làng; kịp thời phát hiện, xử lý các vụ cháy rừng theo phương châm “4 tại chỗ”.

***4.9. Đài Truyền thanh – Truyền hình, phòng Văn hoá - Thông tin***

Tăng cường phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng. Kịp thời nêu các tổ chức, cá nhân làm tốt, các mô hình hiệu quả; đồng thời phê phán, lên án các hành vi tiêu cực trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

***4.10. Phòng Nội vụ***

Tham mưu tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cán bộ lâm nghiệp, chú trọng đào tạo cán bộ cấp xã, cán bộ người dân tộc thiểu số và khuyến lâm đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

***4.11. Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện***

Triển khai kịp thời các chính sách ưu đãi hỗ trợ về đầu tư trồng rừng, phát triển rừng; đơn giản các thủ tục tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn phục vụ phát triển nghề rừng.

***4.12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể***

Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia công tác QLBVR, PCCCR và phát triển rừng; hỗ trợ, phối hợp với các lực lượng chức năng, các chủ rừng phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ & Phát triển rừng trên địa bàn huyện.

Trên đây là kế hoạch phát triển lâm nghiệp, trồng rừng, quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị chủ rừng căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được giao đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch này./.

1. () Giai đoạn 2011-2016 đã giao đất, giao rừng cho các cộng đồng xã Hơ Moong quản lý, bảo vệ 78,17 ha; các chủ rừng giao khoán quản lý bảo vệ là: 5.653,8 ha rừng tự nhiêm cho 206 hộ gia đình, cá nhân. [↑](#footnote-ref-2)
2. () Giao theo Quyết định 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 là: 818,9 ha/44 hộ; Quyết định 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2008 là: 8.338,6 ha/352 hộ. [↑](#footnote-ref-3)
3. () Gồm: 13 vụ vi phạm các quy định chung của nhà nước về bảo vệ rừng; 02 vụ vi phạm các quy định của nhà nước về PCCCR, diện tích rừng bị thiệt hại 33,2 ha rừng trồng; Phá rừng trái pháp luật: 114 vụ, diện tích rừng bị thiệt hại là 60,843 ha rừng (*gồm 58,6 ha rừng tự nhiên và 2,2 ha rừng trồng*)*;* Khai thác rừng trái phép: 45 vụ, tang vật vi phạm 651,291 m3 gỗ các loại; Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ động vật rừng: 01 vụ; Vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 119 vụ, tang vật vi phạm 236,824 m3 gỗ các loại; Mua, bán, cất giữ, CB, KD lâm sản trái quy định của nhà nước: 314 vụ, tang vật vi phạm 1.983,408 m3 gỗ các loại; vi phạm thủ tục hành chính trong mua, bán, vận chuyển lâm sản: 04 vụ. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Xử lý hành chính: 565 vụ, số tiền phạt theo quyết định 3.767.425.000 đồng; đã nộp ngân sách 1.939.275 đồng; Xử lý hình sự: 45 vụ; Xử lý khác: 02 vụ. [↑](#footnote-ref-5)
5. () Đã tổ chức kiểm tra các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản được 02 lần/năm. UBND huyện đã ra quyết định đình chỉ hoạt động 04 cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản nằm ngoài mạng lưới quy hoạch chế biến gỗ và lâm sản tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-6)